

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM VÀ DỊCH VỤ SAO VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM VÀ DỊCH VỤ SAO VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO VIET SERVICES TM AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAO VIET TMPRO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106364335

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 27/11/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Xóm Đồng B, thôn Văn Điền, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977.716.633

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1511        |
| 2.  | Sản xuất giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1520        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641(Chính) |
| 4.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo qui định của pháp luật;                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933        |
| 7.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1311        |
| 8.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1410        |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1430        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chỉ gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chỉ gồm có:<br>- Đại lý (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề theo qui định của pháp luật);<br>- Môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới hôn nhân, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, môi giới đưa người đi lao động học tập ở nước ngoài, môi giới cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề ở mục này theo đúng qui định của pháp luật); | 4610        |
| 12. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1512        |

|     |                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 13. | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                                  | 1323                                                                |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                         | 1420                                                                |
| 15. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chỉ gồm có: Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len ;                                                                                       | 1321                                                                |
| 16. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                   | 1322                                                                |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chỉ gồm có: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;                                                                             | 4659                                                                |
| 18. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                    | 1312                                                                |
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                 | 1812                                                                |
| 20. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có: Sản xuất vải lót máy móc, quần áo dễ co giãn, vải dùng để vẽ tranh sơn dầu, vải vẽ kỹ thuật, dây giày, bông đánh phấn và gang tay; | 1329                                                                |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771                                                                |
| 22. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chỉ gồm có: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                               | 4751                                                                |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có:<br>- Bán buôn xơ, tơ, sợi dệt;<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;                                                              | 4669                                                                |
| 24. | Quảng cáo<br>(doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề theo qui định của pháp luật);                                                                                                   | 7310                                                                |
| 25. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                  | 1313                                                                |
| 26. |                                                                                                                                                                                                          | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ(%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | PHAN VIỆT TIẾN | Thôn Ngọc Chuế, Xã Yên Nghĩa, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                   | 1.620.000.000   | 90,00    | 162179877                                                                                                             |

|   |                |                                                                                    |             |       |           |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|
| 2 | PHAN TIẾN DŨNG | Xóm Đồng B, thôn Văn Diễn, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 180.000.000 | 10,00 | 013294019 |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: PHAN VIỆT TIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 02/11/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162179877

Ngày cấp: 13/07/2010

Nơi cấp: *công an tỉnh nam định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Ngọc Chuế, Xã Yên Nghĩa, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Đồng B, thôn Văn Diễn, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**10. Nơi đăng ký:**

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội